TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2019 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên ông L và bà A đi đến hôn nhân vào năm 2001, có tổ chức lễ thành hôn theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Khi mới thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị A.

- Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002 (nam); Nguyễn Chí N, sinh năm 2006 (nam); Nguyễn Trọng K, sinh năm 2007 (nam), hiện các con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn về con ông L yêu cầu được nuôi hết 03 người con, về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 06 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Do mai mối nên bà A và ông L kết hôn với nhau vào năm 2001, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề sinh hoạt trong gia đình nên thường xuyên cự cải nhau và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét thấy đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên trước yêu cầu ly hôn của ông L thì bà A đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002 (nam); Nguyễn Chí N, sinh năm 2006 (nam); Nguyễn Trọng K, sinh năm 2007 (nam), hiện các con đang sống chung với ông L. Khi ly hôn bà A đồng ý giao 03 người con là P, N, K cho ông L nuôi dưỡng và chăm sóc, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bị đơn bà Nguyễn Thị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông L và bà A có thời gian quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng

đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống và vợ chồng thường xuyên cự cải nhau về vấn đề sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Mặt khác, tại bản tự khai của bà A ngày 06/11/2019 thì bà A cũng thể hiện ý kiến là đồng ý ly hôn với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông L và bà A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc.

Xét thấy, ông L và bà A chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của ông L và bà A không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002 (nam); Nguyễn Chí N, sinh năm 2006 (nam); Nguyễn Trọng K, sinh năm 2007 (nam), hiện các con đang sống chung với ông L. Khi ly hôn ông L yêu cầu được nuôi hết 03 người con và bà A đồng ý giao 03 người con là P, N, K cho ông L nuôi dưỡng và chăm sóc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét N vọng của con, Tòa án đã nhận được đơn yêu cầu của cháu P, cháu N và cháu K thì các cháu có nguyện vọng sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao các cháu Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002 (nam); Nguyễn Chí N, sinh năm 2006 (nam); Nguyễn Trọng K, sinh năm 2007 (nam) cho ông L nuôi dưỡng và chăm sóc.

Bà A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có

chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông L phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị A.

2. Về nuôi con chung: Giao cho ông L nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002 (nam); Nguyễn Chí N, sinh năm 2006 (nam); Nguyễn Trọng K, sinh năm 2007 (nam).

Bà A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông L phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông L có dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006877 ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vặn Tạo